TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số 140 / 2022/HNGĐ -ST
Ngày 16/ 12/ 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM ,TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên.

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Yến, bà Đỗ Thị Hoài Mơ

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Thanh Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 16/12/ 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 449/ 2022/TLST-HNGĐ ngày 10/10/ 2022, về việc Tranh chấp HN & GĐ; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162 / 2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/ 12/ 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn N - Sinh năm 1979(Có mặt).

Bị đơn: Chị Phan Thị T - Sinh năm 1981 (Đề nghị vắng mặt khi xét xử,).

Cùng nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa nguyên đơn là anh Vũ Văn N trình bày : Chị Phan Thị T và anh N tự nguyện đăng ký kết hôn tháng 7/ 1999 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau , chị T hay vay tiền của nhiều người, bán đất ruộng của vợ chồng tiêu việc riêng, không cho anh N biết; vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm, chăm sóc đến nhau, bỏ mặc nhau sống , không lo công việc chung của gia đình. Nay anh N thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Anh B - Sinh năm 2000 đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ, công sức và các vấn đề khác: Không yêu cầu giải quyết.

2. Bị đơn là chị Phan Thị T đề nghị vắng mặt khi xét xử, tại biên bản ghi lời khai ngày 01/ 12/ 2022 trình bày: Anh N và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn tháng 7/ 1999 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L. Sau đó về chung sống ngay, tình cảm vợ chồng ban

đầu hòa thuận, hạnh phúc sau đó đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế và tình cảm. Nay anh N yêu cầu ly hôn thì chị T không đồng ý vì muốn đoàn tụ vì con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Anh B - Sinh năm 2000 đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ, công sức và các vấn đề khác: Không yêu cầu giải quyết 3. Đại diện Viện KSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc thực hiện Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành luật pháp của những người tham gia tố tụng, việc tiến hành thu thập chứng cứ và kiểm tra các chứng cứ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đề nghị căn cứ các Điều 51,56 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí,lệ phí Tòa án,xử: Quan hệ hôn nhân:Anh N được ly hôn chị T.

Án phí sơ thẩm: Anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về thủ tục tố tụng: Chị T đề nghị xét xử vắng mặt, do vậy việc xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Quan hệ hôn nhân : Anh N và chị T có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện Lục Nam nên là hôn nhân hợp pháp. Do vậy yêu cầu khởi kiện của anh N là có căn cứ xem xét giải quyết theo Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh N và chị T mâu thuẫn do không hợp nhau, về kinh tế và tình cảm, chị T hay vay tiền của nhiều người, bán đất ruộng của vợ chồng tiêu việc riêng không cho anh N biết; vợ chồng hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên từ cuối năm 2019 vợ chồng không quan tâm, chăm sóc đến nhau, bỏ mặc nhau sống, không lo công việc chung của gia đình. Tại phiên tòa chị T vắng mặt, anh N kiên quyết yêu cầu ly hôn. Do vậy Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy cần giải quyết cho anh N được ly hôn chị T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh N và chị T có 01 con chung là Vũ Anh B - Sinh năm 2000 đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

[2.3].Về tài sản chung, nợ, công sức: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Căn cứ nội dung trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình; các Điều 147, 271 và 273, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; xử :

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn N và chị Phan Thị T được ly hôn.

2.Về con chung: Không giải quyết.

3.Về tài sản chung, nợ , công sức và các vấn đề khác: Không giải quyết.

4.Án phí sơ thẩm: Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0014050 ngày 10/10/ 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

5. Anh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án. Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA**

Nguyễn Thị Yến **Đỗ Thị Hoài Mơ** **Nguyễn Văn Kiên**